**ÔN TẬP VỀ TỪ LOẠI**

***\*Từ loại được phân chia như sau:***

***- Danh từ***

***- Động từ***

***- Tính từ***

***- Động từ***

***- Quan hệ từ***

**I. DANH TỪ, ĐỘNG TỪ, TÍNH TỪ**

**1. Danh từ**

a. Khái niệm:

Danh từ là những từ chỉ sự vật(người, vật, hiện tượng, khái niệm hoặc đơn vị)

VD: hoa hồng, cơn gió, đạo đức,….

b. Phân loại (2 loại)

- Danh từ chung

- Danh từ riêng

**2. Động từ:** Động từ là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật

VD: ăn, uống, ngủ,…..

**3. Tính từ**

**a. Khái niệm**

Tính từ là những động từ miêu tả đặc điểm, tính chất của vật, hoạt động, trạng thái

**b. Phân loại:**

có hai loại tính từ tiêu biểu:

- TT chỉ tính chất chung không có mức độ: tím, xinh, vắng,…

- TT chỉ tính chất có xác định mức độ: tím ngắt, sâu hoắm, vắng tanh,..

**4. Cách thức phân biệt DT, ĐT, TT**

- DT: Từ + nghi vấn từ “nào” nếu hợp lí thì là danh từ

- ĐT: Có khả năng kết hợp với các từ “hãy, đừng, chớ” ở phía trước hoặc từ “bao giờ”/ “bao lâu” ở phía sau

- TT: Có khả năng kết hợp với các từ chỉ mức độ như “rất, hơi, lắm,…”

- Lưu ý: Các ĐT chỉ cảm xúc(trạng thái) như : yêu, ghét, xúc động,... cũng kết hợp được với các từ :rất, hơi, lắm,.... Vì vậy,khi còn băn khoăn một từ nào đó là ĐT hay TT thì nên cho thử kết hợp với hãy, đừng , chớ,… Nếu kết hợp được thì đó là ĐT.

**II. ĐẠI TỪ, ĐẠI TỪ XƯNG HÔ**

**1. Khái niệm**

Đại từ là từ dùng để xưng hô hay để thay thế DT, ĐT, TT (hoặc cụm DT, cụm ĐT, cụm TT) trong câu cho khỏi lặp lại các từ ngữ ấy.

**2. Phân loại**

- Đại từ xưng hô:

+ Đại từ xưng hô ngôi thứ nhất: tôi, tao, tớ, chúng ta,…

+ Đại từ xưng hô ngôi thứ hai: cậu, bạn, mày, chúng mày,...

+ Đại từ xưng hô ngôi thứ ba: họ, bọn họ,….

- Đại từ để hỏi: ai, bao giờ, bao nhiêu,…

- Đại từ chỉ định: ấy, kia, này, nọ,…

**3. Lưu ý:**

Tiếng việt còn sử dụng nhiều danh từ làm đại từ xưng hô (gọi là DT chỉ người lâm thời làm đại từ xưng hô). Vd:

- Chỉ quan hệ gia đình – thân thuộc: ông, bà, con, cháu, cậu, mợ,…

- Chỉ một số chức vụ, nghề nghiệp: chủ tịch, hiệu trưởng, luật sư, tiến sĩ,…

VD1: Cô của em dạy Tiếng Anh(Cô là DT chỉ quan hệ gia đình - thân thuộc)

V.D2: Cô Hoa luôn giúp đỡ mọi người (Cô là DT chỉ đơn vị).

V.D3: Cháu chào cô ạ! (cô là đại từ xưng hô)

**III. QUAN HỆ TỪ**

**1. Khái niệm**

QHT là từ nối các từ ngữ hoặc các câu, nhằm thể hiện mối quan hệ giữa những từ ngữ hoặc những câu ấy với nhau.

**2. Lưu ý**

- Các QHT thường dùng là: và, nhưng, hoặc, thì, mà, của, ở, tại, bằng…

- Các cặp QHT thường dùng là:

+ Vì...nên...; Do...nên...; Nhờ ...nên...(biểu thị quan hệ nguyên nhân- kết quả).

+ Nếu ...thì...; Hễ... thì... (biểu thị quan hệ giả thiết, điều kiện - kết quả).

+ Tuy ...nhưng...; Mặc dù... nhưng... (biểu thị quan hệ tương phản, nhượng bộ, đối lập).

+ Không những... mà còn...; Không chỉ... mà còn... (biểu thị quan hệ tăng tiến).

**BÀI TẬP VẬN DỤNG**

**Bài 1** :

*Cho các từ sau:*

Bác sĩ, nhân dân, hi vọng, thước kẻ, sấm, văn học, thợ mỏ, mơ ước, xe máy, sóng thần, bàn ghế, gió mùa, xã, huyện, phấn khởi, tự hào, mong muốn, truyền thống, hoà bình.

 a)*xếp các từ trên vào 2 loại* : DT và không phải DT

 b)*Xếp các DT tìm được vào các nhóm* : DT chỉ người, DT chỉ vật, DT chỉ hiện tượng, DT chỉ khái niệm, DT chỉ đơn vị.

**Bài 2 :**

*Tìm chỗ sai trong các câu sau và sửa lại cho đúng* :

1. Bạn Vân đang nấu cơm nước.
2. Bác nông dân đang cày ruộng.
3. Mẹ cháu vừa đi chợ búa.
4. Em có một người bạn bè rất thân.

**Bài 3 :**

Cho các từ : ***cánh đồng, tình thương, lịch sử***. Hãy đặt thành 2 câu (với mỗi từ ) sao cho trong 2 câu đó mỗi từ nằm ở 2 bộ phận chính khác nhau.

**Bài 4 :**

*Xác định từ loại của những từ được gạch chân dưới đây* :

* Anh ấy đang ***suy nghĩ***.
* Những ***suy nghĩ*** của anh ấy rất sâu sắc.
* Anh ấy sẽ ***kết luận*** sau.
* Những ***kết luận*** của anh ấy rất chắc chắn.
* Anh ấy ***ước mơ*** nhiều điều.
* Những ***ước mơ*** của anh ấy thật lớn lao.

**Bài 5** :

*Xác định từ loại của các từ trong các thành ngữ* :

* Đi ngược về xuôi.
* Nhìn xa trông rộng.
* nước chảy bèo trôi.

**Bài 6** :

*Xác định DT, ĐT, TT của các câu sau :*

* Bốn mùa một sắc trời riêng đất này.
* Non cao gió dựng sông đầy nắng chang.
* Họ đang ngược Thái Nguyên, còn tôi xuôi Thái Bình.
* Nước chảy đá mòn.

**Bài 7:**

*Xác định từ loại của những từ sau :*

Niềm vui, vui tươi, vui chơi, tình thương, yêu thương, đáng yêu.

**Bài 8 :**

*Xác định từ loại của những từ sau :*

Sách vở, kiên nhẫn, kỉ niệm, yêu mến, tâm sự,lo lắng, xúc động, nhớ, thương, lễ phép, buồn , vui, thân thương, sự nghi ngờ, suy nghĩ, cái đẹp, cuộc vui, cơn giận dữ, trìu mến, nỗi buồn.

**Bài 9:**

*Xác định chức năng ngữ pháp của đại từ tôi trong từng câu dưới đây* :

1. Tôi đang học bài thì Nam đến.
2. Người được nhà trường biểu dương là tôi.
3. Cả nhà rất yêu quý tôi.
4. Anh chị tôi đều học giỏi.
5. Trong tôi, một cảm xúc khó tả bỗng trào dâng.

**Bài 10 :**

*Thay thế các từ hoặc cụm từ cần thiết bằng đại từ thích hợp để câu văn không bị lặp lại :*

1. Một con quạ khát nước, con quạ tìm thấy một cái lọ.
2. Tấm đi qua hồ, Tấm vô ý đánh rơi một chiếc giày xuống nước.
3. - Nam ơi ! Cậu được mấy điểm ?
* Tớ được 10 điểm. Còn cậu được mấy điểm ?
* Tớ cũng được 10 điểm.

**Bài 11**:

*Chọn từ ngữ thích hợp trong các từ sau để điền vào chỗ trống trong từng câu* : ***nhưng, còn , và , hay, nhờ.***

1. Chỉ ba tháng sau,.....siêng năng ,cần cù, cậu vượt lên đầu lớp.
2. Ông tôi đã già.....không một ngày nào ông quên ra vườn.
3. Tấm rất chăm chỉ.....Cám thì lười biếng.
4. Mình cầm lái....cậu cầm lái ?
5. Mây tan .... mưa tạnh dần.

**Bài 12 :**

*Hãy đặt 4 câu trong đó có sử dụng 4 cặp QHT dùng để biểu thị quan hệ :*

* Nguyên nhân- kết quả.
* Điều kiện ( giả thiết ) - kết quả.
* Nhượng bộ (đối lập, tương phản ).
* Tăng tiến.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Bài 1:** a)

- DT :Bác sĩ, nhân dân, thước kẻ, sấm, văn học, thợ mỏ, mơ ước, xe máy, sóng thần, bàn ghế, gió mùa, xã, huyện,truyền thống, hoà bình.

- Không phải DT: phấn khởi, tự hào, mong muốn.

 b)

- DT chỉ người:Bác sĩ, nhân dân,thợ mỏ

- DT chỉ vật:thước kẻ,xe máy, bàn ghế,

- DT chỉ hiện tượng : sấm, sóng thần, gió mùa.

- DT chỉ khái niệm : văn học, hoà bình , truyền thống.

- DT chỉ đơn vị : xã, huyện.

**Bài 2**: Các từ *cơm nước, ruộng nương, chợ búa, bạn* bè đều có nghĩa khái quát, không kết hợp được với ĐT mang nghĩa cụ thể hoặc với từ chỉ số ít ở trước.

**Cách sửa** : Bỏ tiếng đứng sau của mỗi từ *( nước, nương, búa, bè )*

**Bài 3**: V.D: *Cánh đồng* rộng mênh mông / Em rất yêu *cánh đồng* quê em.

**Bài 4**: Ý 1, 3, 5 là ĐT ; Ý 2, 4, 6 là DT.

**Bài 5**- DT: *nước, bèo.*

- ĐT : *đi , về, nhìn, trông*.

- TT : *ngược, xuôi, xa, rộng*.

**Bài 6:**- DT : *bốn mùa, sắc trời, đất, non, gió, sông, nắng, Thái Nguyên, Thái Bình, nước, đá.*

-ĐT :*mòn, dựng, ngược, xuôi*.

- TT : *riêng, đầy, cao.*

( Lưu ý : từ *ngược, xuôi* trong bài 7 khác từ *ngược , xuôi* trong bài 5.)

**Bài 7:**-DT: *niềm vui, tình thương.*

- ĐT : *vui chơi, yêu thương.*

- TT : *vui tươi, đáng yêu.*

**Bài 8:**

- DT : *sách vở, kỉ niệm, sự nghi ngờ, cái đẹp, cuộc vui, cơn giận dữ, nỗi buồn.*- ĐT : *kiên nhẫn, yêu mến, tâm sự, lo lắng, xúc động, nhớ, thương, lễ phép, buồn, vui, suy nghĩ,.*

- TT : *thân thương, trìu mến.*

**Bài 9:**

 a) *Chủ ngữ.*

 b) *Vị ngữ.*

 c) *Bổ ngữ.*

 d) *Định ngữ.*

 e) *Trạng ngữ.*

**Bài 10:**

a) Thay từ *con quạ* (thứ 2) bằng từ *nó.*

b) Thay từ *Tấm* (thứ 2) bằng từ *cô.*

c) Thay cụm từ “*được mấy điểm*” bằng “*thì sao*” ; cụm từ “*được 10 điểm*”(ở dưới ) bằng “*cũng vậy*”.

**Bài 11**: a, nhờ; b, nhưng c, còn d, hay e, và